Sign In

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 36/2019/TT-BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 36/2019/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

---

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại Điều 70 Luật Chất lượng Sản phẩm, hàng hóa và khoản 14, điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
3. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp có đủ điều kiện, nhu cầu tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 3. Phân loại sản phẩm, hàng hóa

1. Sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương được quy định theo từng thời kỳ.
2. Sản phẩm, hàng hóa được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
3. Sản phẩm, hàng hoá được quản lý theo tiêu chuẩn công bố áp dụng.

Điều 4. Ghi nhãn hàng hóa

1. Việc ghi nhãn sản phẩm, hàng hóa tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
2. Trường hợp nội dung ghi nhãn được quy định riêng tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật, ngoài việc tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều này, các sản phẩm, hàng hóa phải được thực hiện việc ghi nhãn đầy đủ theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Chương II. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 5. Các yêu cầu chung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Đối với sản phẩm, hàng hóa nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

a) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và ghi nhãn theo quy định tại Điều 4 Thông tư này trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

b) Công bố hợp quy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư này.

c) Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với sản phẩm, hàng hoá nêu tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

b) Chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 6. Nội dung quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Quản lý chất lượng hàng hoá nhập khẩu.

Việc quản lý chất lượng hàng hoá nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 2 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

2. Quản lý chất lượng hàng hoá xuất khẩu.

Việc quản lý chất lượng hàng hoá xuất khẩu áp dụng theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 3 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và các quy định của nước nhập khẩu.

3. Quản lý chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường.

Việc quản lý chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường áp dụng theo quy định tại Mục 5 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 4 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và quy định của nước nhập khẩu.

4. Quản lý chất lượng sản phẩm trong sản xuất.

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng của người sản xuất, việc quản lý chất lượng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

b) Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương được quy định theo từng thời kỳ và sản phẩm, hàng hóa được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc quản lý chất lượng được thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Điều 5 Mục 1 Chương II Nghị định số

132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định tại Thông tư này.

5. Quản lý chất lượng hàng hoá trong quá trình sử dụng.

Việc quản lý chất lượng hàng hoá trong quá trình sử dụng thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Mục 5 Chương II Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 7. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu của Bộ Công Thương là cơ quan được Bộ trưởng Bộ Công Thương phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp.

2. Cục Hóa chất.

Điều 8. Tổ chức đánh giá sự phù hợp sản phẩm, hàng hóa

1. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp tham gia hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định, giám định phục vụ công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc phục vụ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2 và sản phẩm, hàng hóa quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, bao gồm:

a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã thực hiện việc đăng ký lĩnh vực hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

b) Tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Công Thương đánh giá và chỉ định khi đáp ứng các điều kiện tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

2. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và/hoặc được Bộ Công Thương chỉ định phải tuân thủ các quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Công Thương.

Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và/hoặc được Bộ Công Thương chỉ định được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương (www.moit.gov.vn).

Điều 9. Hồ sơ và hình thức chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Khoản 5 Điều 4 Nghị

định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

2. Hình thức nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 10. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

2. Quy trình đánh giá chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp được quy định chi tiết tại Phụ lục I của Thông tư này.

Chương III. CÔNG BỐ HỢP QUY

Điều 11. Công bố hợp quy

1. Đối tượng của công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Công Thương ban hành. Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc được quy định tại Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

2. Việc công bố hợp quy dựa trên một trong các biện pháp sau:

a) Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân (sau đây viết tắt là kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

b) Kết quả chứng nhận, kiểm định của tổ chức chứng nhận, kiểm định được Bộ Công Thương chỉ định.

Việc thử nghiệm phục vụ chứng nhận, kiểm định được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được thừa nhận hoặc được chỉ định theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài, tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

4. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc quản lý chất lượng được dựa trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hoá đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 12. Trình tự công bố hợp quy, hồ sơ công bố hợp quy